

PHIẾU BÀI TẬP TOÁN LỚP 1 - PHÉP CỘNG DẠNG $14 + 3$

Họ và tên: Lớp:

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Kết quả của phép tính $14 + 4$ là:

- A. 17 B. 18 C. 19 D. 20

Câu 2. Số điền vào ô trống $10 + \boxed{?} = 15$ là:

- A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

Câu 3. Tính: $12 + 3 + 2 = \dots$

- A. 15 B. 16 C. 17 D. 18

Câu 4. Phép tính nào có kết quả nhỏ nhất?

- A. $11 + 5$ B. $13 + 2$ C. $10 + 4$ D. $12 + 1$

Câu 5. Số 17 là kết quả của phép tính:

- A. $14 + 3$ B. $15 + 1$ C. $12 + 4$ D. $10 + 6$

Câu 6. Điền dấu thích hợp: $13 + 4 \dots 18$

- A. $<$ B. $>$ C. $=$ D. Không có dấu

Câu 7. Có 11 quả táo, mẹ mua thêm 6 quả. Hỏi có tất cả bao nhiêu quả?

- A. 15 quả B. 16 quả C. 17 quả D. 18 quả

Câu 8. Số liền sau của kết quả phép tính $14 + 2$ là:

- A. 16 B. 17 C. 18 D. 15

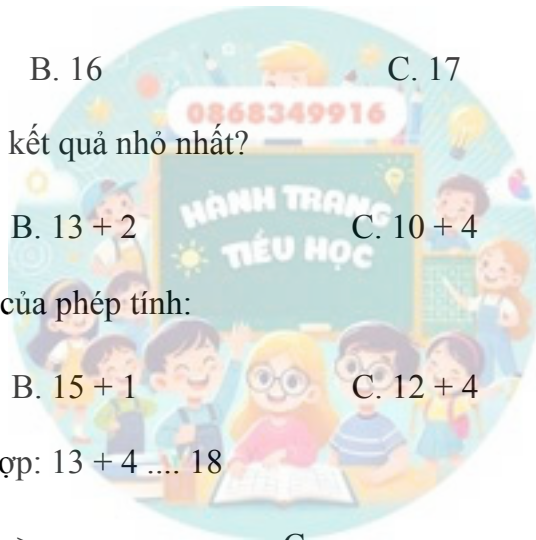
Câu 9. 15 cộng với số nào để được 19?

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 2

Câu 10. Kết quả của $10 + 7$ bằng kết quả phép tính nào?

- A. $14 + 3$ B. $12 + 4$ C. $11 + 5$ D. $13 + 2$

Câu 11. Số? $\boxed{12} + \boxed{6} = ?$



A. 18

B. 17

C. 19

D. 16

Câu 12. Trong các số 15, 18, 14, 19 số lớn nhất là:

A. 15

B. 18

C. 14

D. 19

Câu 13. Phép tính nào dưới đây là ĐÚNG?

A. $12+2=15$

B. $13+3=16$

C. $14+5=18$

D. $11+1=13$

Câu 14. $\boxed{?} + 3 = 16$. Số cần tìm là:

A. 11

B. 12

C. 13

D. 14

Câu 15. Kết quả của phép tính: $10 + 0 + 8 = \dots$

A. 10

B. 18

C. 8

D. 19

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1. Tính:

$$12 + 4 = \dots\dots\dots$$

$$15 + 2 = \dots\dots\dots$$

$$11 + 7 = \dots\dots\dots$$

$$10 + 6 = \dots\dots\dots$$

Bài 2. Điền số thích hợp vào ô trống:

$$14 + \boxed{} = 17$$

$$11 + \boxed{} = 19$$

$$\boxed{} + 5 = 15$$

$$12 + \boxed{} = 18$$

Bài 3. Viết phép tính thích hợp với tranh vẽ:



$$\boxed{} + \boxed{} = \boxed{}$$

Bài 4. Điền dấu (>, <, =) thích hợp vào chỗ chấm:

$$11 + 4 \dots 16$$

$$12 + 7 \dots 19$$

$15 + 3 \dots 17$

$10 + 8 \dots 18$

Bài 5. Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn:

Các số: $12 + 2$, $11 + 6$, $10 + 3$

Trả lời:

Bài 6. Giải toán: Lan có 13 nhãn vở, Mai tặng Lan thêm 5 nhãn vở nữa. Hỏi Lan có tất cả bao nhiêu nhãn vở?

Phép tính:

Trả lời: Lan có tất cả nhãn vở.

